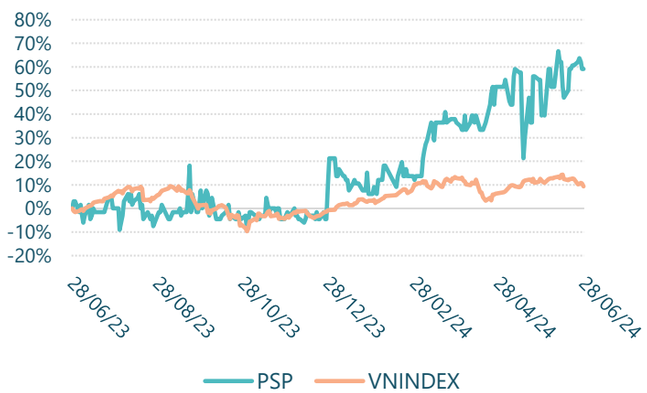
CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (UPCOM: PSP)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	10,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**16.7%**	**61.5%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 11,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	420
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,495
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.84
EPS	262
P/E	40.1

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

61.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.00 | 7.0%

YoY: ▲ 3.70 | 6.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

22.5%

YoY: +/-▲ 0.3%

LN gộp

Q2/24

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.60 | -3.9%

YoY: ▼1.50 | -9.7%

ROE (TTM)

Q2/24

2.3%

YoY: +/-▼ 0.2%

LN trước thuế

Q2/24

0.29

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.90 | -93.0%

YoY: ▼1.10 | -78.9%

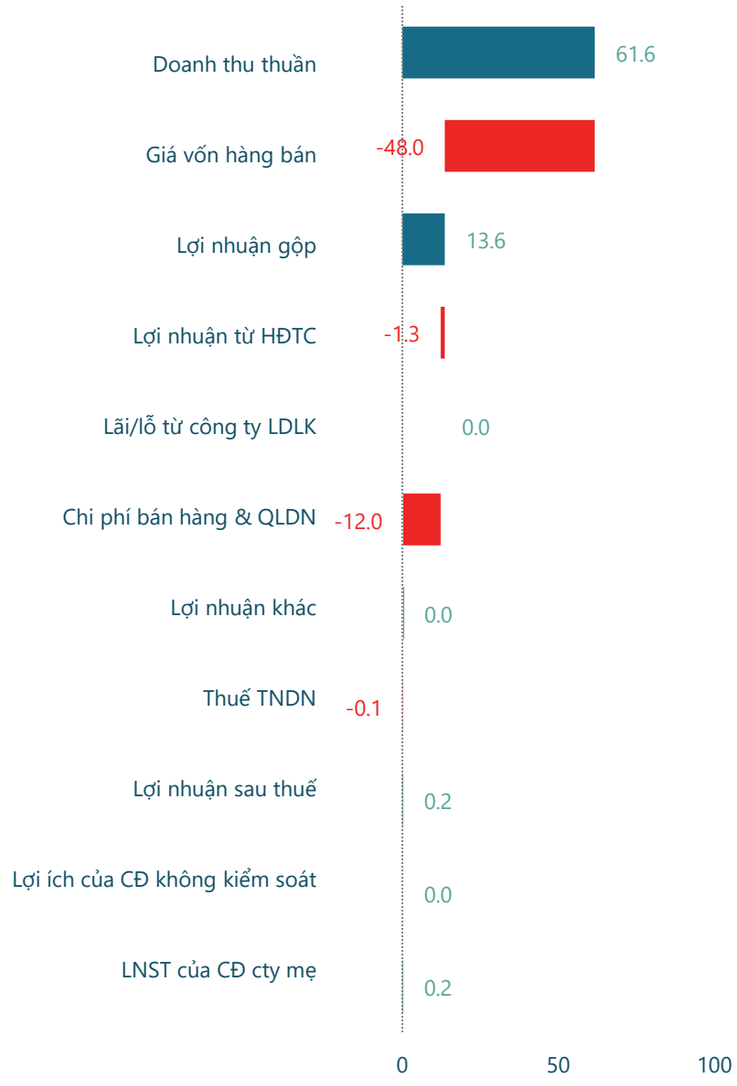
ROA (TTM)

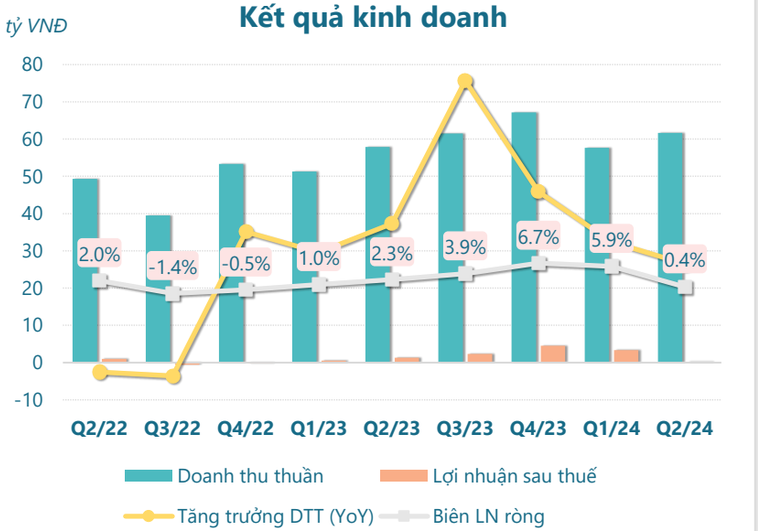
Q2/24

1.8%

YoY: +/-▼ 0.2%

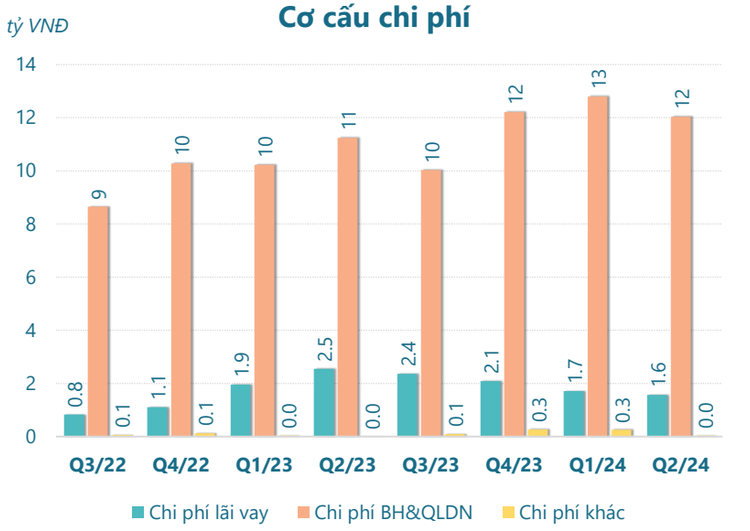
Kết quả kinh doanh Q2/24





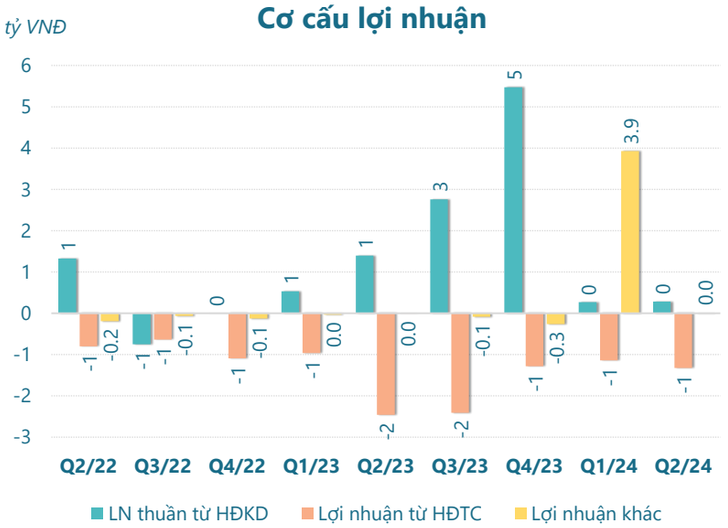
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.28 tỷ đồng**, tăng thêm 3.70% so với kỳ trước và thấp hơn 80.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.33 tỷ đồng** giảm đi 0.19 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.01 tỷ đồng**, giảm đi 99.7% so với kỳ trước và tăng thêm 0.02 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PSP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **61.65 tỷ đồng** tăng thêm **6.55%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.23 tỷ đồng**, **giảm sút 82.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **119.0 tỷ đồng** cao hơn 9.17% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.00 tỷ đồng** cao hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.57 tỷ đồng** giảm đi 8.72% so với kỳ trước và thấp hơn 38.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **12.03 tỷ đồng** giảm đi 6.02% so với kỳ trước và cao hơn 6.93% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.04 tỷ đồng** giảm đi 84.0% so với kỳ trước và cao hơn 300% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (UPCOM: PSP)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**61.6**	**57.6**	**7.0%**	**57.9**	**6.5%**	**119**	**109**	**9.3%**
Giá vốn hàng bán	48.0	43.4	10.6%	42.8	12.2%	91.4	82.3	11.1%
Lợi nhuận gộp	13.6	14.2	-3.9%	15.1	-9.7%	27.9	26.8	3.8%
Doanh thu HĐTC	0.38	0.39	-3.2%	0.52	-27.4%	0.77	1.03	-25.9%
Chi phí TC	1.70	1.53	11.4%	2.98	-42.8%	3.24	4.46	-27.4%
Chi phí lãi vay	1.57	1.72	-8.9%	2.55	-38.6%	3.28	4.49	-27.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	7.84	7.98	-1.8%	6.19	26.6%	15.8	12.0	32.2%
Chi phí QLDN	**4.20**	**4.82**	**-12.9%**	**5.06**	**-17.1%**	**9.02**	**9.51**	**-5.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.28	0.27	5.0%	1.40	-79.8%	0.55	1.92	-71.3%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**3.93**	**-99.7%**	**-0.01**	**202%**	**3.94**	**-0.04**	**10085%**
LN trước thuế	0.29	4.19	-93.0%	1.39	-78.9%	4.49	1.89	138%
Lợi nhuận sau thuế	**0.23**	**3.37**	**-93.3%**	**1.32**	**-82.8%**	**3.60**	**1.81**	**98.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.23**	**3.37**	**-93.3%**	**1.32**	**-82.8%**	**3.60**	**1.81**	**98.4%**

